

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2015/QĐ-UBND

An Giang, ngày 29 tháng 5 năm 2015

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ...5.....
	Ngày: 08/6.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2014/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất áp dụng đối với trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thẩm định để giao đất, cho thuê đất và đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất.

Điều 2. Đối tượng nộp phí

Đối tượng nộp phí là các tổ chức, cá nhân đăng ký, nộp hồ sơ cấp quyền sử dụng đất có nhu cầu hoặc cần phải thẩm định theo quy định.

Điều 3. Đơn vị thu phí

1. Văn phòng đăng ký đất và thông tin tài nguyên môi trường tỉnh.
2. Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất các huyện, thị xã và thành phố.

Điều 4. Mức thu phí

1. Đối với tổ chức:

- a) Diện tích dưới 1.000 m² : 400.000 đồng/hồ sơ.
- b) Diện tích từ 1.000 m² đến dưới 5.000 m²: 580.000 đồng/hồ sơ.
- c) Diện tích từ 5.000 m² đến dưới 01 ha: 1.250.000 đồng/hồ sơ.
- d) Diện tích từ 01 ha đến dưới 03 ha : 2.230.000 đồng/hồ sơ.
- đ) Diện tích từ 03 ha đến dưới 05 ha : 2.600.000 đồng/hồ sơ.
- e) Diện tích từ 05 ha trở lên : 2.970.000 đồng/hồ sơ.

2. Đối với hộ gia đình, cá nhân:

a) Đất sản xuất, kinh doanh:

- Diện tích dưới 100 m² : 200.000 đồng/hồ sơ.
- Diện tích từ 100 m² trở lên : 250.000 đồng/hồ sơ.

b) Đất ở:

- Diện tích dưới 100 m² : 150.000 đồng/hồ sơ.
- Diện tích từ 100 m² trở lên : 200.000 đồng/hồ sơ.

Điều 5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng

1. Đối với đơn vị thu phí tự bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động: được để lại 90% trên tổng số phí thu được để bổ sung chi hoạt động của đơn vị, phần còn lại 10% nộp ngân sách nhà nước.

2. Đối với đơn vị thu phí do ngân sách nhà nước bảo đảm một phần kinh phí hoạt động: được để lại 70% trên tổng số phí thu được để bổ sung chi hoạt động của đơn vị, số còn lại 30% nộp ngân sách nhà nước.

3. Đối với đơn vị thu phí do ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ kinh phí hoạt động: đơn vị thu phí nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

4. Đơn vị thu phí có trách nhiệm niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí về tên phí, mức thu, phương thức thu và cơ quan quy định thu; đăng ký với cơ quan thuế để sử dụng và quyết toán biên lai thu phí theo quy định hiện hành.

5. Chứng từ thu, chế độ tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất thực hiện theo quy định hiện hành.

6. Các nội dung khác liên quan đến chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất thực hiện theo Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc

thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các văn bản pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau mười ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 11/2014/QĐ-UBND ngày 31 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 7. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận: 2.6

- Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Website Chính phủ, Cục Kiểm tra VB (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã và thành phố;
- Báo, Đài PTTH, Website An Giang;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Lưu: HCTC, P. TH, TT. Công báo - Tin học.



Hồ Việt Hiệp